PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÀI SẢN, HOA MÀU GẮN LIỀN VỚI ĐẤT THU HỒI GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP ĐƯƠNG GIAO THÔNG XÃ ĐẠI SƠN; ĐOẠN TỪ ĐƯỜNG TỈNH 391 ĐẾN NVH THÔN PHƯƠNG QUẤT (NAY LÀ THÔN KỲ SƠN, XÃ ĐẠI SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG) (ĐỢT 2)

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi, BTHT (m2)				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)		Tổng cộng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
						Đất	Tài sản, vật kiến trúc	
		Tổng	ONT	CLN	DGT			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=7+8*
1	Nguyễn Thị Sáu	5,8	5,8			0	22.397.000	22.397.000
2	Nguyễn Thái Sơn	35,1	35,1			0	86.981.000	86.981.000
3	Đoàn Văn Hạnh	9,9		9,9		0	14.227.000	14.227.000
4	Đoàn Ngọc Tú	2,6			2,6	0	4.032.000	4.032.000
5	Đào Xuân Mão	4,5		4,5		0	1.271.000	1.271.000
6	Vũ Thị Ánh	5,7		5,7		0	4.946.000	4.946.000
7	Đoàn Thị Ơn	14,9			14,9	0	8.988.000	8.988.000
8	Nguyễn Văn Hoạch	13,9		13,9		0	72.404.000	72.404.000
9	Lê Thị Dung	15,7	15,7			0	21.264.000	21.264.000
10	Nguyễn Đức Thuận	6,5	6,5			0	61.506.000	61.506.000
11	Lưu Thị Phương	0,7			0,7	0	10.171.000	10.171.000
12	Đoàn Văn Đại	17,0	8,0	9,0		0	48.204.000	48.204.000
13	Vũ Thị Nụ	19,4		19,4		0	17.399.000	17.399.000

STT	Họ và tên	Diện tích đất thu hồi, BTHT (m2)				Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)		Tổng cộng kinh phí bồi thường, hỗ trợ
						Đất	Tài sản, vật kiến trúc	
14	Đoàn Chiến Công	2,5	2,5			0	39.558.000	39.558.000
15	Nguyễn Quang Huy	6,4		6,4		0	46.936.000	46.936.000
16	Đoàn Quang Huấn	43,9		43,9		0	76.563.000	76.563.000
17	Đoàn Hữu Nghị	19,2		19,2		0	114.901.000	114.901.000
18	Nguyễn Thị Ngoãn	35,2		35,2		0	43.467.000	43.467.000
19	Vũ Đức Tài	10,6		10,6		0	23.272.000	23.272.000
20	Đoàn Văn Đạo	6,8		6,8		0	49.196.000	49.196.000
Cộng (làm tròn):		**276,3**	**73,6**	**184,5**	**18,2**		**767.683.000**	**767.683.000**
Bằng chữ: Bảy trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng chẵn								